TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày 30-6-2020
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Huệ
2. Ông Lương Tuất Mạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:
Ông Đặng Văn T - sinh năm 1940
Bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1946
Cùng địa chỉ: Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai
Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ: Ông Đặng Văn T (Theo giấy ủy quyền lập ngày 16/9/2020).
Có mặt.
2. Bị đơn:
Bà Phạm Thị Đ - sinh năm 1968
Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai
Nơi ở: Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai
Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Đ là ông Triệu Phúc N (Theo giấy ủy quyền lập ngày 20/02/2020).
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Triệu Phúc N, sinh năm 1960; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai
Nơi ở: Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/11/2019, bản tự khai ngày 04/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 1988 vợ chồng ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Đ có khai phá được một diện tích đất vườn và đất ruộng là 344m^2 tại Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, sau khi khai phá gia đình ông T sử dụng trồng cấy trên diện tích đất khai phá, cụ thể: chỗ cao thì trồng mít, ổi, nhãn, chuối, xoài, chỗ trũng trồng mon. Năm 1996 bà Phạm Thị Đ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Xuân R và chuyển ra sinh sống cạnh diện tích đất gia đình ông T khai phá, khoảng năm 1998 bà Phạm Thị Đ có mượn của gia đình ông T khoảng 44m^2 đất giáp với đất nhà bà Đ để làm quán bán hàng ăn cho anh Phạm Văn T là em trai bà Đ. Việc cho mượn đất là do con gái ông T là Đặng Thị H cho mượn, khi chị H cho bà Đ mượn đất ông T có biết và đã đồng ý cho mượn, khi cho mượn các bên chỉ nói miệng với nhau không làm giấy tờ gì. Năm 2003 bà Phạm Thị Đ làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Xuân R theo quy định của pháp luật và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Đ đã chiếm toàn bộ diện tích đất của gia đình ông T (cả diện tích đất mượn của gia đình ông T bà Đ cũng không trả mà tháo dỡ quán hàng ăn và xây nhà lên đó). Gia đình ông T đã nhiều lần yêu cầu bà Đ phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm và đã nhiều lần đề nghị chính quyền địa phương giải quyết, nhưng bà Đ vẫn không trả lại đất đã lấn chiếm. Khi bà Đ lấn chiếm đất của gia đình ông T thì trên đất có các tài sản là mít, ổi, nhãn, chuối, xoài, mon bà Đ đã chặt phá toàn bộ. Đối với số tài sản bà Đ chặt phá ông T cho bà Đ không yêu cầu bà Đ phải bồi thường. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Đ phải tháo dỡ toàn bộ tài sản làm trên đất lấn chiếm của gia đình ông và trả lại cho gia đình ông diện tích đất đã lấn chiếm theo như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/02/2020 là 386,8 m^2 đất gồm: 21m^2 tại thửa đất số 19 tờ bản đồ P3-12; 191,3 m^2 tại thửa đất số 21 tờ bản đồ P3-12; 108,1m^2 tại thửa đất số 20 tờ bản đồ P3-12; 66,4m^2 tại thửa đất số 323 tờ bản đồ P3-12.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2020 ông T xin rút yêu cầu buộc bà Đ trả lại diện tích đất 21m^2 tại thửa số 19 tờ bản đồ P3-12 vì diện tích đất này gia đình ông đã bán cho ông Bùi Ngọc T từ năm 1990, ngoài ra ông trình bày diện tích đất cho bà Đ mượn là do chị H con gái ông cho mượn, ông không rõ, quá trình giải quyết tại Tòa án chị H nói cho anh Thép mượn không phải cho bà Đ mượn thì ông cũng nhất trí với lời trình bày của chị H. Tại biên bản hòa giải vào các ngày 22/5/2020 và ngày 03/6/2020 ông T vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Đ phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm theo như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/02/2020. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay ông T không yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Đ trả lại diện tích đất 21m^2 tại thửa số 19 tờ bản đồ P3-12.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Đ ông Triệu Phúc N trình bày: Bà Đ và ông N chung sống với nhau từ năm 1994 và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã X, huyện B. Năm 1996 ông bà nhận chuyển nhượng của ông Lê Xuân R diện tích 520m^2 đất ở khu vực ngã 3 X, thuộc Thôn G, xã X, huyện B, khi nhận chuyển nhượng thì có 140m^2 đất vườn tại thửa số 20 tờ bản đồ P3-12 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Xuân R, còn lại 380m^2 đất do là hủm sâu và giáp suối nên Nhà nước chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi ông bà nhận chuyển nhượng đất của ông R trên đất có 01 nhà gỗ 3 gian, 01 nhà gỗ hai gian để máy sát thóc. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông bà chuyển ra sinh sống tại diện tích đất đó. Năm 2003 gia đình ông bà làm thủ tục tách diện tích 140m^2 đất nhận chuyển nhượng của ông R, sau khi làm xong được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đến năm 2004 gia đình bà dỡ nhà gỗ san đất làm 01 nhà 2 tầng, 01 kho và 01 nhà cấp IV. Những năm sau đó mỗi năm gia đình ông bà kè đá đổ thêm đất vào hủm, đầm lầy nên mới được bằng phẳng như hiện nay. Trong thời gian gia đình ông bà Đ, N đổ đất xây kè thỉnh thoảng ông T lại ra tranh chấp nhận là đất của ông T, nhưng ông T không cung cấp được bất cứ giấy tờ nào để chứng minh phần đất đang tranh chấp với gia đình ông bà là đất của ông T. Nay ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Đ phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm và tháo dỡ công trình làm trên đất lấn chiếm, ngoài ra ông T có ý kiến nếu gia đình bà Đ muốn tiếp tục sử dụng diện tích đất gia đình bà Đ đã làm 2 nhà cấp 4 mái lợp proximăng có diện tích 108,1m^2 thì trả cho ông T 40.000.000 đồng công khai phá, còn toàn bộ diện tích đất còn lại từ mép nhà cấp 4 ra đến bờ suối thì phải trả cho ông T thì bà Đ không nhất trí bởi vì toàn bộ diện tích đất trên gia đình ông bà nhận chuyển nhượng của ông Lê Xuân R, không phải đất của ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Triệu Phúc N trình bày: Ông và bà Đ chung sống cùng nhau từ năm 1994, quá trình chung sống năm 1996 ông bà nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông Lê Xuân R và ở ổn định tại phần đất nhận chuyển nhượng đó không có tranh chấp gì với ông T. Khoảng năm 2004 khi ông bà dỡ nhà gỗ làm nhà mới sau đó đổ đất và kè ở phía suối và hủm sâu nhằm tránh sạt lở, thì ông T sang tranh chấp nhận là đất của gia đình ông T, mặc dù ông T không có bất cứ giấy tờ gì. Khi khởi kiện ông T lại chỉ khởi kiện bà Phạm Thị Đ, nhận thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm nên ông N đã yêu cầu Tòa án đưa mình vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đến nay ông N không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T, vì diện tích 108,1m^2 nằm trong diện tích 140m^2 đất vườn gia đình ông nhận chuyển nhượng của ông Lê Xuân R và đã được UBND huyện Bảo Thắng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất còn lại ông bà nhận chuyển nhượng của gia đình ông R, không phải đất của gia đình ông T.

Ngày 20/02/2020, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất có tranh chấp, kết quả thẩm định như sau:

Tổng diện tích đất ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Đ đã xác định đang tranh chấp với gia đình bà Phạm Thị Đ tại thực địa là 386,8m^2 tại các thửa đất cụ thể như sau:

+ Thửa đất số 19 tờ bản đồ P3-12 có tổng diện tích là 118m^2, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó diện tích đất đang có tranh chấp là 21m^2. Hiện trạng phần đất có tranh chấp đã được đổ đất bằng do gia đình bà Phạm Thị Đ, ông Triệu Phúc N đang sử dụng.

+ Thửa đất số 21 tờ bản đồ P3-12 có tổng diện tích là 1.996 m^2, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó diện tích đất đang có tranh chấp là 191,3m^2. Hiện trạng phần diện tích đất đang có tranh chấp đã được đổ đất bằng do gia đình bà Phạm Thị Đ, ông Triệu Phúc N đang sử dụng.

+ Thửa đất số 20 tờ bản đồ P3-12 có tổng diện tích 140m^2, đất đã UBND huyện Bảo Thắng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 970070 ngày 16/6/2003 mang tên bà Phạm Thị Đ, mục đích sử dụng là đất vườn, trong đó diện tích đất đang có tranh chấp là 108,1m^2 hiện trạng do gia đình bà Phạm Thị Đ, ông Triệu Phúc N đang sử dụng trên phần đất đang tranh chấp có 02 nhà xây cấp 4 một tầng; 01 cây Bưởi thu hoạch trên 03 năm; 01 cây Xoài thu hoạch trên 03 năm và có hai cột điện (cột điện đôi là cột điện dây thông tin của đường sắt hiện vẫn đang được sử dụng).

+ Thửa đất số 323 tờ bản đồ P3-12 có diện tích 66,4m^2 đất hành lang giao thông và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kết quả định giá tài sản, Hội đồng định giá kết luận: Tổng giá trị tài sản, vật kiến trúc, công trình xây dựng và cây trên đất đang tranh chấp tại các thửa 20, 21 và 323 tờ bản đồ P3-12 tại Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai là: 117.617.777 đồng.

Đối với vụ án này Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Đ phải trả cho gia đình nguyên đơn toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm là 386,8m^2. Nguyên đơn không đồng ý với việc đo đạc hai ngôi nhà cấp 4 một tầng nằm tại thửa số 20 tờ bản đồ P3-12 mà cho rằng 2 ngôi nhà này nằm trên thửa đất số 21 tờ bản đồ P3-12, nhưng không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ lại và có yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm theo số liệu đo đạc tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ với diện tích đất đang tranh chấp cụ thể là 108,1m^2 tại thửa đất số 20; 191,3m^2 tại thửa đất số 21 và 66,4m^2 đất thửa 323 cùng tờ bản đồ P3-12; Đối với diện tích 21m^2 tại thửa 19 tờ bản đồ P3-12 do gia đình đã bán cho ông Bùi Ngọc T nên cá nhân ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Nguyễn Thị Đ không có ý kiến gì. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến không phải đất của nguyên đơn nên không nhất trí trả lại đất cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 165 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu bà Phạm Thị Đ trả lại diện tích đất đã lấn chiếm tại các thửa 19, 20, 21 và 323 cùng tờ bản đồ P3-12 tại Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Phạm Thị Đ, các thửa đất tranh chấp có địa chỉ tại Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng quy định theo Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà Phạm Thị Đ và ông Triệu Phúc N chung sống với nhau từ năm 1994 và hiện nay đang cùng sử dụng diện tích đất có tranh chấp, trên đất có tài sản chung của hai ông bà. Do đó ông Triệu Phúc N có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này và việc ông đề nghị Toà án đưa mình vào tham gia tố tụng là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 20 tờ bản đồ P3-12 tại thôn G, xã X theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ là 108,1m^2.

Theo lời khai của ông Lê Xuân R thì nguồn gốc đất các đương sự đang có tranh chấp là do ông R khai phá từ năm 1975, đến năm 1996 ông R chuyển nhượng lại cho bà Đ ông N trong đó có 140m^2 đất vườn có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đất nằm giáp suối hủm sâu. Toà án đã lấy lời khai của người làm chứng chủ yếu sinh sống tại Thôn G, xã X, huyện B đều khẳng định nguồn gốc đất theo lời trình bày của ông R là đúng sự thật.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình nguyên đơn, do gia đình nguyên đơn khai phá mà có. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bốn người làm chứng theo yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên trong số người làm chứng này có hai người là con gái nguyên đơn và một người là ông

Bùi Ngọc T hàng xóm liền kề với gia đình bà Phạm Thị Đ và cũng đang có đơn yêu cầu UBND xã X giải quyết tranh chấp đất với gia đình bà Đ, do đó lời trình bày những người làm chứng này không khách quan. Đối với bà P là người làm chứng do phía nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành lấy lời khai theo bà P thì bà đã ngoài 80 tuổi nên bà không nhớ và không biết về diện tích đất đang có tranh chấp do ai khai phá.

Hiện nay, thửa đất số 20 tờ bản đồ P3-12 có diện tích 140m^2 đã được Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 970070 ngày 16/6/2003 mang tên bà Phạm Thị Đ, mục đích sử dụng là đất vườn. Vì vậy xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại diện tích đã lấn chiếm tại thửa số 20 tờ bản đồ P3-12 là không có căn cứ nên không thể chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm theo số liệu mà nguyên đơn chỉ mốc giới, Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ là 212,3m^2 gồm: 21m^2 tại thửa đất số 19 và 191,3m^2 tại thửa đất số 21 tờ bản đồ P3-12 tại Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Hiện trạng phần đất có tranh chấp đã được đổ đất bằng do gia đình bà Phạm Thị Đ, ông Triệu Phúc N đang sử dụng, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xác minh tại UBND xã X thì: Sổ mục kê đất của UBND xã X vào năm 1997 tại quyển 02 xác định thửa đất số 19 tờ P3-12 có diện tích 118m^2 đất trồng lúa không ghi tên chủ sở hữu do chưa được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 21 tờ bản đồ P3-12 có diện tích 1996m^2 đất lâm nghiệp không ghi tên chủ sở hữu do chưa được UBND huyện Bảo Thắng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tính đến thời điểm hiện tại năm 2020 đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, tổ chức nào. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình nguyên đơn, do gia đình nguyên đơn khai phá mà có.

Căn cứ Điều 100 Luật đất đai 2013 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật dân sự 2015, hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn không có quyền sử dụng đối với diện tích đất đang có tranh chấp. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 212,3m^2 tại các thửa đất số 19 và 21 tờ bản đồ P3-12 tại Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai là không thể chấp nhận.

[4]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm theo số liệu mà nguyên đơn chỉ mốc giới tại thửa 323 có diện tích 66,4m^2. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về quyền sử dụng thửa đất 323. Ngoài ra theo kết quả xác minh thì thửa đất số 323 tờ bản đồ P3-12 có diện tích 180m^2 đất vườn tạp nhưng do thuộc hành lang giao thông của đường tỉnh lộ 151 nên nhà

nước không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình cá nhân nào. Hiện trạng thửa đất số 323 tờ bản đồ P3-12 không thay đổi và vẫn thuộc hành lang giao thông tỉnh lộ 151. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là không thể chấp nhận.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí, ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị Đ, ông Triệu Phúc N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng, quá trình giải quyết vụ án chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết tổng số tiền là 5.500.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu 3.000.000 đồng, bị đơn tự nguyện chịu 2.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 165 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Đ về việc buộc bà Phạm Thị Đ trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 21m^2 tại thửa đất số 19; 191,3 m^2 tại thửa đất số 21; 108,1m^2 tại thửa đất số 20; 66,4m^2 tại thửa đất số 323 cùng tờ bản đồ P3-12 tại Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Về án phí: Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009748 ngày 04/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện BT;
- Đương sự (04);
- UBND xã Xuân Giao;
- Chi cục THADS huyện BT;
- Lưu HS, TA, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng